

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HUỆ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Gái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tăng Gô.

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng N - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ, tỉnh Long An - Địa chỉ: khu phố K, thị trấn H, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long

An. Chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã. Ly thân từ ngày 31/7/2020 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 20/01/2012, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền 54.000.000 đồng. Khi ly hôn bà yêu cầu chia hai nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà N về ngày tháng, điều kiện kết hôn, thời gian ly thân, con chung, không có tài sản chung và có nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà N, ông không thống nhất, giữa ông và bà N không xảy ra mâu thuẫn, ông bị tai nạn trên đường đi làm về dẫn đến không đi được, không nói được nên bà N dẫn theo con chung bỏ nhà đi.

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về nuôi con chung: ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 20/01/2012, hiện đang sống với bà. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: không có.

Về chia nợ chung: ông thống nhất có nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền 54.000.000 đồng. Ông đồng ý chia hai nợ chung.

Nguyên đơn bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn L, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông L được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông L không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Bà Trần Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà N và ông L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà N và ông L đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên xét bà N cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã; ông L cho rằng vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, do ông bị tai nạn nên bà N dẫn theo con chung bỏ nhà đi, hiện tại bà N và ông L đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, cho rằng mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N và ông L thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 20/01/2012 của bà N và ông L, Hội đồng xét xử nhận định: con chung đã đủ 7 tuổi có nguyện vọng sống với bà N và từ khi bà N và ông L sống ly thân, con chung do bà N nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm tránh ảnh hưởng về tâm lý con chung và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của con chung nên giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Xét việc bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Về chia tài sản chung: bà N và ông L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về chia nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ số tiền 54.000.000 đồng. Bà N và ông L thống nhất chia hai. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, không xem xét về chia nợ chung. Sau này phát sinh tranh chấp Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đức Huệ có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[10] Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà N đã nộp đủ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 55, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Bà Trần Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 20/01/2012, hiện đang sống với bà N. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà N và ông L có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0008883 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

**Trần Thị Gái**